

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2024.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa chị Đào Thị Kim Huệ
với anh Danh Quốc Anh”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Thanh Việt.

2. Ông Phạm Hồng Lưu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Hồng Thái – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị Kim H, sinh năm 1989.

Địa chỉ số A ấp T, thị trấn C, huyện C, TP ..

- **Bị đơn:** Anh Danh Quốc A, sinh năm 1983 . (vắng mặt)

Địa chỉ số A, ấp T, xã T, huyện C, TP ..

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện C.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Thanh B – Tổ trưởng Tổ Kế hoạch Nghiệp vụ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Kim H trình bày: Năm 2011, do quen biết chị và anh Danh Quốc A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc và có hai con chung gồm cháu Danh Thị Mộng T, sinh ngày 16/3/2020 và cháu Danh Thị Kim Yên N, sinh ngày 11/7/2011. Hiện tại, hai cháu sống cùng với chị. Thời gian sau, vợ chồng thường

xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau và anh Quốc A bỏ đi hơn 02 năm, vợ chồng ly thân và không hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Quốc A.

- Về con chung và nuôi con chung: Vợ, chồng có 02 con chung cháu Danh Thị Mộng T, sinh ngày 16/3/2020 và cháu Danh Thị Kim Yến N, sinh ngày 11/7/2011. Hiện tại, hai cháu đang sống cùng với chị nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc hai con chung đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh Quốc A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Do anh Quốc A vắng mặt nên chị thống nhất tách ra giải quyết thành vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

- Về nghĩa vụ chung: Vợ, chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số nợ 90.000.000đồng và lãi phát sinh.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Danh Quốc A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện C có đại diện theo uỷ quyền ông Trương Thanh B trình bày: Ngày 18/7/2017 Ngân hàng chính sách xã hội huyện C (Ngân hàng) có cho vợ chồng anh Danh Quốc A và chị Đào Thị Kim H vay chính sách Hộ nghèo số tiền 25.000.000đồng; Ngày 18/11/2020 Ngân hàng tiếp tục cho vợ chồng anh Quốc A, chị H vay chính sách sản xuất kinh doanh vùng khó khăn với số tiền 45.000.000đồng; Ngày 18/02/2022 Ngân hàng tiếp tục cho vợ chồng anh Quốc A vay chính sách Nước sạch và vệ sinh môi trường Nông thôn với số tiền 20.000.000đồng. Tổng 03 lần vay vợ chồng anh Quốc A vay Ngân hàng số tiền gốc là 90.000.000đồng. Hiện tại, vợ chồng anh Quốc A và chị H đang tranh chấp ly hôn nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện C có yêu cầu độc lập, yêu cầu vợ chồng anh Danh Quốc A và chị Đào Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 90.000.000đồng, số tiền lãi 13.208.778đồng, tổng cộng 103.208.778đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của chị Đào Thị Kim H, đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện C thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Ly hôn và tranh chấp hợp đồng tín dụng ”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn anh Danh Quốc A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt anh Quốc A.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị H và anh Quốc A là hợp pháp. Anh, chị tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ, chồng cũng có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc

nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng ly thân trong thời gian dài nhưng không thể hàn gắn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh Quốc A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, cho chị được ly hôn với anh Quốc A là phù hợp.

[3] *Về con chung và nuôi con chung*: Vợ, chồng có 02 con chung cháu Danh Thị Mộng T, sinh ngày 16/3/2020 và cháu Danh Thị Kim Yến N, sinh ngày 11/7/2011. Hội đồng xét xử thấy rằng hai cháu đang sống cùng với chị H nên cần giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ghi nhận chị H không yêu cầu anh Quốc A cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Quốc A, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh Quốc A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Do anh Quốc A vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp là phù hợp.

[5] *Về nghĩa vụ chung*: Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng C về việc yêu cầu vợ chồng anh Quốc A và chị H có trách nhiệm trả Ngân hàng C số tiền gốc là 90.000.000đồng, số tiền lãi 13.208.778đồng, tổng cộng 103.208.778đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 13/7/2017 về việc chị H vay ngân hàng số tiền 25.000.000đồng; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 16/11/2020 về việc chị H vay ngân hàng số tiền 45.000.000đồng; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 17/02/2022 về việc chị H vay ngân hàng số tiền 20.000.000đồng. Tổng số tiền vay là 90.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị H đều thừa nhận nợ ngân hàng số nợ gốc 90.000.000đồng, nợ lãi 13.208.778đồng, tổng cộng 103.208.778đồng nên cần buộc vợ chồng chị H, anh Quốc A trả cho Ngân hàng số tiền 103.208.778đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 14/6/2024 cho đến khi tất toán nợ gốc.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Đào Thị Kim H phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đào Thị Kim H và anh Danh Quốc A phải nộp 5.160.400đồng án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26, mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H đã nộp tạm ứng án phí

2.375.000đồng, được căn trừ vào tiền án phí, chị H và anh Quốc A phải nộp thêm 3.085.400đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26, mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đào Thị Kim H. Cho ly hôn giữa chị H và anh Danh Quốc A.

2. *Về con chung và nuôi con chung:* Vợ, chồng có 02 con chung cháu Danh Thị Mộng T, sinh ngày 16/3/2020 và cháu Danh Thị Kim Yên N, sinh ngày 11/7/2011. Giao hai chung là cháu T và cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh Quốc A cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Quốc A, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh Quốc A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Do anh Danh Quốc A vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp là phù hợp.

4. *Về nghĩa vụ chung:* Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C. Buộc chị Đào Thị Kim H và anh Danh Quốc A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền 103.208.778đồng, trong đó nợ gốc là 90.000.000đồng, số tiền nợ lãi 13.208.778đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 14/6/2024 cho đến khi tất toán nợ gốc.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Đào Thị Kim H phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đào Thị Kim H và anh Danh Quốc A phải nộp 5.160.400đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 2.375.000đồng theo biên lai thu số 0004673 ngày 13/10/2023, được căn trừ vào tiền án phí, chị H và anh Quốc A phải nộp thêm 3.085.400đồng.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ đề yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thanh Huỳnh